

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HỒNG LĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2988**/QĐ - UBND

Hồng Lĩnh, ngày **31** tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TTBTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc công khai NSNN đối với ngân sách các cấp;

Căn cứ Quyết định số 2961/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho các huyện, thành phố, thị xã;

Căn cứ Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 26/12/2024 của Hội đồng Nhân dân thị xã Khoá VII, Kỳ họp thứ 22 về việc phân bổ dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước và bố trí vốn đầu tư công năm 2025;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024 của thị xã Hồng Lĩnh, (có phụ biểu kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND - UBND thị xã, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Sở Tài chính;
- TT Thị ủy, TT HĐND thị xã;
- Chủ tịch, các P.CT UBND thị xã;
- KBNN Hồng Lĩnh;
- Cổng thông tin điện tử thị xã;
- HĐND, UBND các phường, xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Khiếu

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ NĂM 2025

DVT: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ	638.486
I	Thu ngân sách thị xã hưởng theo phân cấp	175.336
-	Các khoản thu NS cấp thị xã hưởng 100%	
-	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	463.150
-	- Bổ sung cân đối	409.408
-	- Bổ sung có mục tiêu	53.742
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	639.486
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	639.486
1	Chi đầu tư phát triển	139.000
2	Chi thường xuyên	492.516
3	Chi dự phòng ngân sách	7.970



**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ VÀ
NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG XÃ NĂM 2025**

ĐVT: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025
1	2	5
A	NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách cấp thị xã	606.575
1	Thu NS cấp thị xã hưởng theo phân cấp	143.425
	- Các khoản thu NS cấp thị xã hưởng 100%	
	- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	
	- Thu chuyển nguồn, kết dư	
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	463.150
	- Bổ sung cân đối	409.408
	- Bổ sung có mục tiêu	53.742
II	Chi ngân sách cấp thị xã	606.575
1	Chi nhiệm vụ thuộc NS cấp thị xã theo phân cấp	558.271
2	Bổ sung cho NS xã, phường	48.304
	- Bổ sung cân đối	48.304
B	NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
I	Thu ngân sách xã, phường	81.215
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	32.911
	- Các khoản thu NS phường, xã hưởng 100%	
	- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	
	- Nguồn kết dư, chuyển nguồn ngân sách	
2	Bổ sung từ ngân sách cấp thị xã	48.304
	- Bổ sung cân đối	48.304
	- Bổ sung có mục tiêu	
II	Chi ngân sách xã, phường	81.215

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HỒNG LĨNH**

DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2025 THEO TỪNG SẮC THUẾ

TT	Nội dung	Dự toán HĐND huyện giao	Phân chia các cấp ngân sách			
			NSTW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách phường
TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN		199.890	5.180	18.374	143.425	32.911
1	Thu Quốc doanh	140		84	56	
-	Thuế GTGT - TNDN	140		84	56	
-	Thuế Tiêu thụ đặc biệt					
-	Thuế Tài nguyên					
-	Thu khác					
2	Thu từ khu vực có VĐT nước ngoài					
3	Thu Ngoài Quốc doanh	18.000	0	7.790	9.721	489
-	Thuế GTGT - TNDN	17.700		7.790	9.476	434
-	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	100			85	15
-	Thuế Tài nguyên	200			160	40
-	Thu khác					
4	Thuế thu nhập cá nhân	6.000		3.000	3.000	
5	Lệ phí trước bạ	21.000		3.700	15.300	2.000
6	Phí, lệ phí	2.500		300	1.948	252
7	Thuế phi nông nghiệp	2.200				2.200
8	Thuê sử dụng đất nông nghiệp					
9	Thuê đất	5.000		3.500	1.500	
10	Thu cấp quyền đối với khai thác khoáng					
11	Tiền sử dụng đất	139.000			111.200	27.800
12	Thu khác ngân sách	6.000	5.180	0	700	120
-	Thu phạt ATGT+Các khoản thu khác do cơ quan cấp trên thực hiện	5.180	5.180			
-	Thu khác ngân sách xã	120				120
-	Thu khác ngân sách cấp huyện	700			700	
13	Thu tại xã (quỹ đất công ích, hoa lợi công sản)	50				50

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ, CẤP PHƯỜNG XÃ THEO CƠ
CẤU CHI NĂM 2025

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Dự toán	Trong đó	
			NS cấp huyện	NS cấp xã
	TỔNG CHI NSDP			
A	Chi cân đối ngân sách	644.774	558.271	81.215
I	Chi đầu tư phát triển	139.000	111.200	27.800
II	Chi thường xuyên	497.804	440.230	52.286
1	Chi các hoạt động kinh tế	105.174	96.485	3.401
2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	179.484	179.484	
-	Chi sự nghiệp giáo dục	0		
-	Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	0		
3	Chi y tế, dân số và gia đình	41.247	41.247	
4	Chi khoa học và công nghệ	0		
5	Chi quốc phòng	3.424	1.460	1.964
6	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.345	935	410
7	Chi VH TT, ID TT và phát thanh, truyền hình, thông tin	4.424	3.296	1.128
8	Chi bảo vệ môi trường	6.400	6.000	400
9	Chi đảm bảo xã hội	19.855	18.576	1.279
10	Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	90.221	46.896	43.325
11	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL theo quy định	0		
12	Chi khác ngân sách	1.711	1.331	380
13	Chi cơ chế đặc thù theo NQ 63 của HĐND tỉnh	44.520	44.520	
III	Dự phòng ngân sách	7.970	6.841	1.129

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025

ĐVT: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025
A	B	C
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	606.575
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG, XÃ	48.304
B	CHI NS CẤP THỊ XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC	558.271
I	Chi đầu tư phát triển	111.200
II	Chi thường xuyên	440.230
1	Chi các hoạt động kinh tế	96.485
2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	179.484
-	Chi sự nghiệp giáo dục	
-	Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	41.247
4	Chi khoa học và công nghệ	
5	Chi quốc phòng	1.460
6	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	935
7	Chi VH TT, TDTT và phát thanh, truyền hình, thông tấn	3.296
8	Chi bảo vệ môi trường	6.000
9	Chi đảm bảo xã hội	18.576
10	Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	46.896
11	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL theo quy định	
12	Chi khác ngân sách	1.331
13	Chi cơ chế đặc thù theo NQ 63 của HĐND tỉnh	44.520
III	Dự phòng ngân sách	6.841

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2025

DVT: Nghìn đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi dự phòng ngân sách	Chi tăng lương trong năm	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			Chi chuyển nguồn sang năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
	Tổng số	558.271.000	111.200.000	440.230.000	6.841.000	0	0	0	0	0
A	Chi đầu tư phát triển	111.200.000	111.200.000							
B	Chi thường xuyên	447.071.000	0	440.230.000	6.841.000	0				
I	Chi QLNN, Đảng, đoàn thể	46.896.000	0	46.896.000	0	0				
1	Văn phòng Thị ủy	13.396.000		13.396.000						
2	Văn phòng Hội đồng nhân dân	1.994.000		1.994.000						
3	Văn phòng Ủy ban nhân dân	16.401.000		16.401.000						
4	Ủy ban Mặt trận tổ quốc thị xã	2.477.000		2.477.000						
5	Thị đoàn	930.000		930.000						
6	Hội Liên hiệp phụ nữ thị xã	1.115.000		1.115.000						
7	Hội Nông dân	1.269.000		1.269.000						
8	Hội Cựu chiến binh	743.000		743.000						
9	Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ	543.000		543.000						
10	Phòng Giáo dục - Đào tạo	1.847.000		1.847.000						
11	Phòng Tài chính - Kế hoạch	432.000		432.000						
12	Phòng Tư pháp	385.000		385.000						
13	Phòng Nội vụ	479.000		479.000						
14	Phòng Y tế	384.000		384.000						
15	Thanh tra thị xã	345.000		345.000						
16	Phòng Văn hóa - Thông tin	753.000		753.000						
17	Phòng Lao động - Thương binh & Xã hội	101.000		101.000						
18	Ban vì sự tiến bộ phụ nữ thị xã	40.000		40.000						
19	Trung tâm Hành chính công thị xã	121.000		121.000						
20	Phòng Kinh tế	110.000		110.000						
21	Phòng Quản lý đô thị	90.000		90.000						
22	Phòng TN- MT	150.000		150.000						



STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi dự phòng ngân sách	Chi tăng lương trong năm	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			Chi chuyển nguồn sang năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
23	Kinh phí tặng huy hiệu Đảng năm 2025	2.792.000		2.792.000						
II	Chi sự nghiệp kinh tế	96.485.000	0	96.485.000						
1	Kinh phí kiến thiết thị chính	67.136.000		67.136.000						
-	Trả nợ Lát vỉa hè và điện chiếu sáng đường Lê Hữu Trác (đoạn từ đường Nguyễn Thiếp đến đường 19/5)	2.000.000		2.000.000						
-	Trả nợ Hệ thống điện chiếu sáng đường Nguyễn Nghiễm, thị xã Hồng Lĩnh	2.000.000		2.000.000						
-	Trả nợ Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ Trụ sở UBND phường Đức Thuận	1.000.000		1.000.000						
-	Trả nợ Cải tạo, nâng cấp ngõ 466 đường Nguyễn Ai Quốc, phường Đức Thuận (đoạn từ đường Nguyễn Ái Quốc đến đường Kinh Dương Vương)	1.500.000		1.500.000						
-	Trả nợ Quảng trường thị xã Hồng Lĩnh (giai đoạn 1)	2.000.000		2.000.000						
-	Nâng cấp tuyến đường từ nhà văn hóa tổ dân phố 1 đến nhà văn hóa tổ dân phố 3 phường Đậu Liêu	5.000.000		5.000.000						
-	Đường giao thông và mương thoát nước khu dân cư phía Đông Bệnh viện đa khoa thị xã Hồng Lĩnh (giai đoạn 2)	3.000.000		3.000.000						
-	Đường giao thông và mương thoát nước khu dân cư phía Đông Bệnh viện đa khoa thị xã Hồng Lĩnh (giai đoạn 3)	2.000.000		2.000.000						
-	Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa thị xã Hồng Lĩnh	1.000.000		1.000.000						
-	Tiểu công viên tổ dân phố 8, phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh	3.000.000		3.000.000						
-	Xây dựng tuyến đường nối từ Quốc lộ 1 đến nhà văn hóa tổ dân phố 1, phường Đậu Liêu	3.000.000		3.000.000						
-	Hội trường và một số hạng mục phụ trợ trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND phường Trung Lương	3.000.000		3.000.000						
-	Đường quy hoạch từ trạm y tế đến cầu Bãi Tràn phường Trung Lương	5.000.000		5.000.000						

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi dự phòng ngân sách	Chi tăng lương trong năm	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			Chi chuyển nguồn sang năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
-	Cải tạo, nâng cấp đường Cao Thắng, phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh (đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường 3/2)	1.000.000		1.000.000						
-	Nâng cấp, cải tạo nhà hội trường lớn và các hạng mục phụ trợ trụ sở Thị ủy Hồng Lĩnh	4.000.000		4.000.000						
-	Lát vỉa hè đường 3-2 (đoạn từ đường Trần Phú đến đường Cao Thắng)	2.000.000		2.000.000						
-	Cải tạo, nâng cấp đường Hoàng Xuân Hãn (đoạn từ đường 3/2 đến đường Lê Hữu Trác), phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh	2.000.000		2.000.000						
-	Cải tạo, nâng cấp đường Phan Hưng Tạo (đoạn từ cầu Trảng Càn đến Quốc lộ 8A), phường Đức Thuận, thị xã Hồng Lĩnh (giai đoạn 1)	1.000.000		1.000.000						
-	Mương thoát nước khu dân cư và vùng núi Bạch Ty, phường Đậu Liêu.	2.000.000		2.000.000						
-	Các dự án kiến thiết thị chính khác	21.636.000		21.636.000						
2	Phòng Kinh tế	355.000		355.000						
3	Hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	1.784.000		1.784.000						
4	Hỗ trợ phát triển đất trồng lúa	2.324.000		2.324.000						
5	Phòng Quản lý đô thị	228.000		228.000						
6	Phòng Tài nguyên và Môi trường	3.030.000		3.030.000						
7	Trung tâm Ứng dụng KHCN và BV cây trồng vật nuôi	2.367.000		2.367.000						
8	Đội Quản lý trật tự đô thị	819.000		819.000						
9	Kinh phí phòng chống cháy rừng	300.000		300.000						
10	Kinh phí phòng chống bão lụt	50.000		50.000						
11	Văn phòng thường trực phòng chống bão lụt	73.000		73.000						
12	Kinh phí xác định giá đất	350.000		350.000						
13	Kinh phí hoạt động VP Điều phối XDNTM - OCOP	218.000		218.000						
14	Kinh phí thu gom, xử lý rác thải, tiền điện chiếu sáng công cộng, chăm sóc cây cảnh đường phố năm 2025	13.822.000		13.822.000						



STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi dự phòng ngân sách	Chi tăng lương trong năm	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			Chi chuyển nguồn sang năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
15	Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ, đường thủy nội địa địa phương năm 2025	3.629.000		3.629.000						
III	Sự nghiệp môi trường	6.000.000	0	6.000.000						
IV	Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo	179.484.000		179.484.000						
1	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thị xã	2.263.000		2.263.000						
2	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thị xã	1.215.000		1.215.000						
3	THCS Bắc Hồng	14.519.000		14.519.000						
4	THCS Trung Lương	9.759.000		9.759.000						
5	THCS Đức Thuận	6.841.000		6.841.000						
6	THCS Nam Hồng	11.678.000		11.678.000						
7	TH Bắc Hồng	13.553.000		13.553.000						
8	TH Trung Lương	6.622.000		6.622.000						
9	TH Đức Thuận	7.961.000		7.961.000						
10	TH Nam Hồng	11.976.000		11.976.000						
11	MN Nam Hồng	7.013.000		7.013.000						
12	MN Đức Thuận	6.011.000		6.011.000						
13	MN Thuận Lộc	4.656.000		4.656.000						
14	MN Trung Lương	5.640.000		5.640.000						
15	MN Bắc Hồng	7.183.000		7.183.000						
16	MN Đậu Liêu	5.941.000		5.941.000						
17	Trường TH&THCS Đậu Liêu	14.082.000		14.082.000						
18	Trường TH&THCS Thuận Lộc	10.803.000		10.803.000						
19	Phòng Giáo dục - Đào tạo	616.000		616.000						
20	Hỗ trợ hoạt động các Trung tâm học tập cộng đồng	168.000		168.000						
21	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2025 theo đề án (hỗ trợ các trường mua sắm cơ sở vật chất phục vụ đón chuẩn)	520.000		520.000						

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi dự phòng ngân sách	Chi tăng lương trong năm	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			Chi chuyển nguồn sang năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
22	Chi lương phụ cấp và các khoản đóng nộp dự kiến tăng trong năm (do khi xây dựng dự toán lấy quỹ lương T7/2024, nên lương từ T7-T12/2024 chưa được bố trí dự toán 2025; đồng thời tăng lương từ T1/2025-T9/2025; tăng mới biên chế); Chế độ tiền phụ cấp giáo viên dạy thể dục; Phụ cấp cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật (chưa xác định được chính xác đối tượng cụ thể nên tham mưu phân bổ cụ thể sau)	5.223.123		5.223.123						
19	Hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất các Trường học	25.240.877		25.240.877						
-	Nâng cấp Làm mái che di động sân khấu ngoài trời trường MN Đức Thuận	1.000.000		1.000.000						
-	Mái che di động trường MN Đậu Liêu	1.000.000		1.000.000						
-	Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đậu Liêu	890.000		890.000						
-	Cải tạo nâng cấp nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thuận Lộc, xã Thuận Lộc	1.300.000		1.300.000						
-	Trả nợ Xây dựng mới dãy nhà học phía Bắc quy mô 13 phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Nam Hồng hoàn thành	1.000.000		1.000.000						
-	Trả nợ xây dựng Cải tạo khuôn viên sân thể dục, thể thao Trường THPT Hồng Lĩnh (giai đoạn 1)	71.714		71.714						
-	Trả nợ Công trình cải tạo khuôn viên sân thể dục thể thao Trường Trung học phổ thông Hồng Lĩnh (Giai đoạn 2)	118.163		118.163						
-	Trả nợ Nâng cấp, cải tạo nhà học 02 tầng 06 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Trung Lương	70.000		70.000						
-	Trả nợ Lắp đặt thiết bị và phần mềm dạy học đa năng Trường Trung học cơ sở Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh	200.000		200.000						

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi dự phòng ngân sách	Chi tăng lương trong năm	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			Chi chuyển nguồn sang năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
-	Trả nợ Lắp đặt thiết bị và phần mềm dạy học đa năng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đạu Liêu, thị xã Hồng Lĩnh	200.000		200.000						
-	Lắp đặt thiết bị và phần mềm dạy học đa năng Trường Tiểu học Bắc Hồng thị xã Hồng Lĩnh	200.000		200.000						
-	Trả nợ Cải tạo nhà học 2 tầng, cải tạo sân chơi và các hạng mục phụ trợ khối Tiểu học trường Tiểu học và THCS Đạu Liêu	191.000		191.000						
-	Trả nợ Cải tạo nhà học 02 tầng 08 phòng học, mái che di động và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Trung Lương	350.000		350.000						
-	Trả nợ Nhà học 2 tầng 6 phòng, nhà ăn, nhà vệ sinh học sinh và một số hạng mục phụ trợ Trường tiểu học Trung Lương	350.000		350.000						
-	Trả nợ xây dựng Mở rộng trường Mầm non Đức Thuận	1.500.000		1.500.000						
-	Trả nợ xây dựng Bể bơi cố định, sân cỏ nhân tạo và một số hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Đức Thuận	500.000		500.000						
-	Trả nợ xây dựng Nhà đa chức năng, hiệu bộ, cải tạo sân đường và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Đức Thuận	500.000		500.000						
-	Trả nợ xây dựng Cảo tạo nhà học 2 tầng 10 phòng, sân cỏ nhân tạo và các hạng mục phụ trợ trường THCS Đức Thuận	1.500.000		1.500.000						
-	Xây dựng nhà bếp ăn, nhà để xe giáo viên, nhà để xe học sinh và một số hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thuận Lộc	400.000		400.000						
-	Mở rộng khuôn viên, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Đức Thuận	3.000.000		3.000.000						

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi dự phòng ngân sách	Chi tăng lương trong năm	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			Chi chuyển nguồn sang năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
-	Mở rộng khuôn viên, san nền, xây dựng nhà đa chức năng và một số hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Trung Lương	5.000.000		5.000.000						
-	Mở rộng khuôn viên, xây dựng nhà đa năng, bể bơi có mái che sân thể thao và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Trung Lương	5.000.000		5.000.000						
-	Hệ thống phòng cháy chữa cháy ngoài nhà và một số hạng mục phụ trợ Trường TH Nam Hồng	900.000		900.000						
V	Sự nghiệp Văn hóa - Truyền thông	3.296.000	0	3.296.000						
1	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông.	3.296.000		3.296.000						
VI	Sự nghiệp Y tế	41.247.000	0	41.247.000						
1	Trung tâm Y tế thị xã Hồng Lĩnh	23.700.000		23.700.000						
2	Bảo hiểm xã hội Hồng Lĩnh (thanh toán bảo hiểm y tế cho các đối tượng)	3.318.000		3.318.000						
3	Kinh phí mua sắm vật tư, sửa chữa tài sản	7.679.000		7.679.000						
4	Sửa chữa, cải tạo và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải Công suất: 250m3/ngày đêm; Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) cho Trung tâm Y tế thị xã	3.200.000		3.200.000						
5	Trả nợ hoàn thành xây dựng Công trình Xây dựng khoa Nội -Nhi thuộc Trung tâm Y tế thị xã Hồng Lĩnh	3.350.000		3.350.000						
VII	Chi đảm bảo xã hội	18.576.000	0	18.576.000						
1	Phòng Lao động - TB & Xã hội	16.784.000		16.784.000						
2	Tiền điện hộ nghèo, hộ bảo trợ xã hội	350.000		350.000						
3	Hội Người mù	475.000		475.000						
4	Hội Chữ Thập đỏ	313.000		313.000						
5	Hội Người cao tuổi	220.000		220.000						
6	Chính sách hỗ trợ người phân công giúp đỡ người được áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn	65.000		65.000						
7	Hội nạn nhân chất độc da cam	93.000		93.000						
8	Hội bảo trợ người tàn tật	170.000		170.000						

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi dự phòng ngân sách	Chi tăng lương trong năm	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			Chi chuyển nguồn sang năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
9	Hội Khuyến Học -Giáo chức	106.000		106.000						
VIII	Chi QP- An ninh	2.395.000	0	2.395.000						
1	Ban Chỉ huy Quân sự thị xã.	1.460.250		1.460.250						
2	Công an thị xã.	934.750		934.750						
IX	Chi khác ngân sách	1.331.000		1.331.000						
X	THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 63/2021/NQ-HĐND NGÀY 16/12/2021 CỦA HĐND TỈNH	44.520.000		44.520.000						
A	Kinh phí thực hiện các Đề án, nhiệm vụ chính trị trên địa bàn	22.239.934		22.239.934						
1	Văn phòng Thị ủy	1.908.500		1.908.500						
2	Văn phòng UBND thị xã	590.500		590.500						
3	Hội Đồng thi đua khen thưởng	2.500.000		2.500.000						
4	Thực hiện Đề án Cải cách hành chính	200.000		200.000						
5	Kinh phí Đại hội Đảng bộ thị xã và Đại hội các Đảng bộ, chi bộ cơ sở	5.000.000		5.000.000						
6	Thực hiện Đề án phát triển TDTT	150.000		150.000						
7	Thực hiện Đề án phát triển Du lịch	150.000		150.000						
8	Kinh phí xây dựng Đề án chuyển đổi số	200.000		200.000						
9	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông	962.394		962.394						
10	Phòng LĐ -TBXH	970.313		970.313						
11	Hội Đồng y	20.000		20.000						
12	Hội Liên hiệp hội KHKT thị xã	40.000		40.000						
13	Hội Khuyến Học -Giáo chức	49.903		49.903						
14	Hội Cựu Thanh niên xung phong	181.360		181.360						
15	Hội Luật gia	20.000		20.000						
16	Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	20.000		20.000						
17	Hội doanh nghiệp	20.000		20.000						
18	Kinh phí hoạt động của CLB nữ doanh nhân	20.000		20.000						
19	Hỗ trợ CLB nữ lãnh đạo quản lý	20.000		20.000						
20	Hội Người mù	95.500		96.000						

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi dự phòng ngân sách	Chi tăng lương trong năm	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			Chi chuyển nguồn sang năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
21	Hội Chữ Thập đỏ	116.924		116.924						
22	Hội Người cao tuổi	112.000		112.000						
23	Thị đội	2.562.540		2.562.540						
24	Công an thị xã	650.000		650.000						
25	Kinh phí tuyên truyền quảng bá về thị xã Hồng Lĩnh	200.000		200.000						
26	Chi cán bộ, công chức, viên chức đi tập huấn dài ngày và các đoàn đi công tác dài ngày chưa bố trí dự toán đầu năm	300.000		300.000						
27	Chi tiếp các đoàn khách về làm việc tại thị xã	500.000		500.000						
28	Kinh phí biên soạn niên giám thống kê 2024	30.000		30.000						
29	Kinh phí giỗ tổ Hùng Vương	600.000		600.000						
30	Kinh phí thực hiện Đề án 2031 "Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thi hành án hình sự và tái hòa nhập cộng đồng"	200.000		200.000						
31	Kinh phí thực hiện Đề án 06 "Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030"	100.000		100.000						
32	Kinh phí chuyển sang ngân hàng chính sách thực hiện chương trình vay vốn cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác	2.000.000		2.000.000						
33	Kinh phí hoạt động Ban An toàn giao thông	200.000		200.000						
34	HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG CỦA KHỐI NỘI CHÍNH VÀ CÁC CƠ QUAN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHỐI HỢP TRÊN ĐỊA BÀN (Viện kiểm sát; Thi hành án, Kho bạc, Kiểm lâm, Phòng cháy chữa cháy, Cụm 8, Chi cục thống kê, Chi cục thuế Hồng Lĩnh, Bảo hiểm xã hội, Liên đoàn lao động thị xã: 10 đơn vị x 30 triệu đồng/ đơn vị); Hội thẩm: 20 triệu đồng; Tòa án: 30 triệu đồng	350.000		350.000						
35	Kinh phí tổ chức kỷ niệm ngày Doanh nhân Việt Nam	500.000		500.000						
36	Kinh phí tăng lương trong năm	700.000		700.000						

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi dự phòng ngân sách	Chi tăng lương trong năm	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			Chi chuyển nguồn sang năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
B	Thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, phát triển đô thị.	22.280.066		22.280.066						
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Thái Kính, phường Đậu Liêu (giai đoạn 2)	10.000.000		10.000.000						
2	Mở rộng mặt đường, thảm nhựa, làm lại hệ thống mương thoát nước; lát vỉa hè, điện chiếu sáng, nắp mương thuỷ lợi tuyến đường liên phường (ngõ 19, đường 2/9)	1.500.000		1.500.000						
3	Hạ tầng kỹ thuật khu công viên Trung tâm thị xã (giai đoạn 1)	5.000.000		5.000.000						
4	Kinh phí xây dựng hệ thống truyền thanh thông minh phường Nam Hồng	500.000		500.000						
5	Lập quy hoạch chi tiết 1/500 các khu dân cư phục vụ đấu giá đất	1.500.000		1.500.000						
6	Duy tu sửa chữa trụ sở làm việc HĐND - UBND thị xã	2.500.000		2.500.000						
7	Kinh phí thực hiện cấm biển tên các tuyến đường	1.000.000		1.000.000						
8	Nhiệm vụ chi khác	280.066		280.066						
XVII	Dự phòng ngân sách	6.841.000			6.841.000					

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ CHO TỪNG
CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó						
			Chi các hoạt động kinh tế	Giáo dục ĐT và dạy nghề	Chi An ninh, QP	Chi đảm bảo xã hội	Chi bảo vệ môi trường	Chi văn hóa - thể dục TT	Chi hoạt động QLNN, đảng, đoàn thể
A	B	1=2+...+8	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số	111.200.000	65.077.416	0	3.377.627	0	0	40.818.572	1.926.385
A	DỰ ÁN DO UBND THỊ XÃ PHÊ DUYỆT QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ	89.598.518	43.475.934	0	3.377.627	0	0	40.818.572	1.926.385
I	TRẢ NỢ CÁC CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH VÀ ĐÃ QUYẾT TOÁN	13.123.028	11.501.489	0	177.627	0	0	1.117.527	326.385
1	Hệ thống điện chiếu sáng đường Đào Tấn (đường La Giang, phường Trung Lương).	534.424	534.424						
2	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa thôn Chùa, xã Thuận Lộc.	46.288						46.288	
3	Lát vỉa hè và trồng cây đường Quang Trung (đoạn từ đường Phan Kính đến vòng xoay Bùi Cầm Hổ).	509.117	509.117						
4	Đường Trần Nhân Tông đoạn từ đường Nguyễn Đồng Chi đến đường Lê Hữu Trác, thị xã Hồng Lĩnh (giai đoạn 1).	317.093	317.093						
5	Lát vỉa hè và trồng cây đường Nguyễn Ái Quốc (đoạn từ ngã tư giao QL 8A đến đường Sứ Hy Nhan).	207.616	207.616						
6	Lắp đặt hệ thống điện trang trí đường Trần Phú, đường Nguyễn Nghiễm và cổng chào đường 3/2, đường Nguyễn Đồng Chi.	500.000	500.000						
7	Lát vỉa hè quanh nút giao đường Quốc lộ 1 với đường Nguyễn Đồng Chi, thị xã Hồng Lĩnh.	500.000	500.000						
8	Chỉnh trang nút giao thông Quốc lộ 1 với Quốc lộ 8 và nút giao thông Quốc lộ 1 với đường Nguyễn Đồng Chi.	1.000.000	1.000.000						



9	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 3 tầng và các hạng mục phụ trợ cơ quan UBNDTTQ, các đoàn thể thị xã.	63.298							63.298
10	Xây dựng một số hạng mục khuôn viên trụ sở cơ quan Ủy ban MTTQ và các đoàn thể thị xã Hồng Lĩnh.	263.087							263.087
11	Phủ, đường Lê Hữu Trác và hệ thống điện chiếu sáng tuyến Quốc lộ 1A, thị xã Hồng Lĩnh.	108.585	108.585						
12	Cải tạo, nâng cấp đường cơ động trong khu căn cứ chiến đấu khu vực phòng thủ thị xã Hồng Lĩnh.	177.627			177.627				
13	Hệ thống điện chiếu sáng QL1 đoạn từ Km481+290 đến Km485+400 đoạn qua thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.	1.500.000	1.500.000						
14	Sửa chữa đường lên khu mộ đồng chí Nguyễn Đức Bình hoàn thành.	17.239	17.239						
15	Chỉnh trang đô thị cải tạo, nâng cấp tuyến đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bắc Hồng.	29.414	29.414						
16	Nhà văn hóa tổ dân phố 4, phường Đạm Liêu.	778.515						778.515	
17	Nhà văn hóa thôn Thuận Giang, xã Thuận Lộc.	83.867						83.867	
19	Đường Trần Nhân Tông, thị xã Hồng Lĩnh (đoạn từ đường Nguyễn Đồng Chi đến đường N12 khu dân cư tổ 6, tổ 7, phường Đạm Liêu).	700.000	700.000						
20	Xây dựng tuyến đường vào khu dân cư xen dăm tổ dân phố 1, 2 phường Đạm Liêu, thị xã Hồng Lĩnh.	1.500.000	1.500.000						
21	Chỉnh trang, nâng cấp vỉa hè đường Nguyễn Đồng Chi, thị xã Hồng Lĩnh.	686.232	686.232						
22	Nâng cấp, cải tạo nhà văn hóa tổ dân phố 3, phường Nam Hồng.	208.857						208.857	
23	Tuyến mương Đồng Nhậm phường Trung Lương.	452.000	452.000						
24	Xây dựng đường giao thông, mương thoát nước khu dân cư thôn Tân Hòa xã Thuận Lộc.	386.000	386.000						
25	Dự án Cải tạo, nâng cấp dải phân cách điện chiếu sáng đoạn từ Km 484+00 đến Km 486+533 Quốc lộ 1 đoạn đi qua thị xã Hồng Lĩnh và Km 485+06 đến Km 485+366 quốc lộ 1 đoạn tránh thị xã Hồng Lĩnh (giai đoạn 1).	1.000.000	1.000.000						
26	Dự án Tháo dỡ, di dời hệ thống điện chiếu sáng công cộng Quốc lộ 1 đoạn từ Km484+00 đến Km486+533 đến lắp đặt tại đường Kinh Dương Vương đoạn từ Km0+00 giao với Quốc lộ 1 đến Km0+848m và đường Ngô Quyền, thị xã Hồng Lĩnh.	553.769	553.769						
27	Sơn kẻ vạch, gờ giảm tốc các tuyến đường giao thông trên địa bàn các phường Bắc Hồng, Đức Thuận.	1.000.000	1.000.000						

II	TRẢ NỢ CÁC CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH VÀ CHƯA QUYẾT TOÁN	25.474.445	21.174.445	0	1.700.000	0	0	1.000.000	1.600.000
1	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa thôn Tân Hòa, xã Thuận Lộc.	200.000						200.000	
2	Nhà văn hóa tổ dân phố La Giang, phường Trung Lương.	500.000						500.000	
3	Hạ tầng khu tái định cư tổ dân phố 7, phường Bắc Hồng phục vụ GPMB đường trục chính trung tâm thị xã Hồng Lĩnh.	500.000	500.000						
4	Cầu Ông Đạt, phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh.	2.000.000	2.000.000						
5	Lắp đặt hệ thống điện trang trí đường Quang Trung (đoạn từ nút giao QL8 đến Cầu Treo Vọt) và đường Nguyễn Ái Quốc (đoạn từ nút giao QL8 đến đường Nguyễn Văn Giai).	1.500.000	1.500.000						
6	Cụm đèn tín hiệu giao thông nút giao Quốc lộ 1 với đường Tiên Sơn.	200.000	200.000						
7	Cải tạo nhà làm việc 3 tầng, hội trường và một số hạng mục phụ trợ trụ sở Thị ủy Hồng Lĩnh.	600.000							600.000
8	Nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc công an phường Đậu Liêu, thị xã Hồng Lĩnh.	700.000			700.000				
9	Đường quy hoạch từ đường Tiên Sơn đến nhà văn hoá tổ dân phố Phúc Sơn, phường Trung Lương.	629.373	629.373						
10	Đường giao thông nối từ Quốc lộ 8 (tại Km0+879) đến đường trục TDP1, phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh.	500.000	500.000						
11	Điện trang trí cầu Đồi, thị xã Hồng Lĩnh.	150.000	150.000						
12	Điện trang trí cầu Đức Thuận, thị xã Hồng Lĩnh.	200.000	200.000						
13	Điện trang cầu Treo Vọt, thị xã Hồng Lĩnh.	250.000	250.000						
14	Điện trang trí vòng xuyên Bùi Cầm Hổ, thị xã Hồng Lĩnh.	150.000	150.000						
15	Điện trang trí khu vực ngã tư trung tâm thị xã Hồng Lĩnh.	700.000	700.000						
16	Pano màn hình điện tử trang trí tại quảng trường thị xã Hồng Lĩnh.	105.000	105.000						
17	Nhà văn hóa tổ dân phố 8, phường Bắc Hồng.	300.000						300.000	
18	Lát vỉa hè đường Quang Trung (đoạn từ cầu Treo Vọt đến bến xe Hồng Lĩnh).	2.000.000	2.000.000						
19	Trụ sở làm việc công an xã Thuận Lộc, thị xã Hồng Lĩnh.	1.000.000			1.000.000				
20	Xây dựng tuyến mương thoát nước ngõ 344 đường Quang Trung (đoạn từ đường Thái kính đến đường Nguyễn Đồng Chi), phường Đậu Liêu.	393.000	393.000						
21	Sơn kẻ vạch, gờ giảm tốc các tuyến đường giao thông trên địa bàn phường Đậu Liêu.	32.693	32.693						

22	Xây dựng trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND phường Nam Hồng (giai đoạn 2).	1.000.000							1.000.000
23	Sơn kẻ vạch, gờ giảm tốc, biển báo an toàn giao thông các tuyến đường giao thông trên địa bàn Phường Nam.	30.896	30.896						
24	Bổ sung, hoàn thiện hạ tầng khu dân cư Mặt Ba, phường Trung Lương.	300.000	300.000						
25	Di dời đường dây 35kV nhánh rẽ Trung Lương ĐZ 373E18.4.	400.000	400.000						
26	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xen dăm TDP 10.	300.000	300.000						
27	Mương tiêu úng, chống ngập lụt tại thôn Hồng Nguyệt, xã Thuận Lộc.	500.000	500.000						
28	Xây dựng 03 tuyến đường giao thông (bao gồm cả hệ thống cấp điện, cấp nước) tại khu dân cư Nền Tể, thôn Thuận Giang, xã Thuận Lộc.	10.000.000	10.000.000						
29	Sơn kẻ vạch, gờ giảm tốc, biển báo an toàn giao thông các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã Thuận Lộc.	83.483	83.483						
30	Đường giao thông nội đồng thôn Tân Hòa, xã Thuận Lộc.	250.000	250.000						
III	CÁC CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP	51.001.045	10.800.000	0	1.500.000	0	0	38.701.045	0
1	Quảng trường thị xã Hồng Lĩnh (giai đoạn 1).	1.500.000						1.500.000	
2	Hạ tầng kỹ thuật khu công viên Trung tâm thị xã (giai đoạn 1).	15.000.000						15.000.000	
3	Đường giao thông và mương thoát nước khu dân cư phía Đông Bệnh viện đa khoa thị xã Hồng Lĩnh (giai đoạn 1).	2.000.000	2.000.000						
4	Đường giao thông và mương thoát nước khu dân cư phía Đông Bệnh viện đa khoa thị xã Hồng Lĩnh (giai đoạn 3).	2.000.000	2.000.000						
5	Đường giao thông, mương thoát nước khu dân cư thôn Hồng Nguyệt và khu dân cư Nhà Nếp thôn Thuận Sơn, xã Thuận Lộc, thị xã Hồng Lĩnh.	1.000.000	1.000.000						
6	Lát vỉa hè và trồng cây đường Nguyễn Ái Quốc (đoạn từ đường Sử Hy Nhan đến cầu Mới).	2.000.000	2.000.000						
7	Điều chỉnh quy hoạch chung thị xã.	1.000.000	1.000.000						
8	Nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc công an phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh.	1.500.000			1.500.000				
9	Nhà văn hoá thôn Thuận Trung, xã Thuận Lộc.	500.000						500.000	
10	Nhà văn hoá thôn Hồng Nguyệt, xã Thuận Lộc.	200.000						200.000	
11	Nhà văn hoá thôn Hồng Lam, xã Thuận Lộc.	500.000						500.000	
12	Nhà văn hoá tổ dân phố Tuần Cầu, phường Trung Lương.	1.500.000						1.500.000	

13	Nhà văn hoá tổ dân phố Phúc Sơn, phường Trung Lương.	1.000.000						1.000.000	
14	Nhà văn hoá tổ dân phố 3, phường Bắc Hồng.	500.000						500.000	
15	Nhà văn hoá tổ dân phố 7, phường Nam Hồng.	300.000						300.000	
16	Nhà văn hoá tổ dân phố Trung Hậu, phường Trung Lương.	156.400						156.400	
17	Nhà văn hoá thôn Thuận Sơn, xã Thuận Lộc.	1.000.000						1.000.000	
18	Nhà văn hoá thôn Phúc Thuận, xã Thuận Lộc.	1.000.000						1.000.000	
19	Nhà văn hoá tổ dân phố 2, phường Đâu Liêu.	1.000.000						1.000.000	
20	Nhà văn hoá tổ dân phố 1, phường Đâu Liêu.	1.000.000						1.000.000	
21	Nhà văn hoá tổ dân phố 8, phường Đâu Liêu.	400.000						400.000	
22	Nhà văn hoá tổ dân phố Bán Xá, phường Trung Lương.	1.000.000						1.000.000	
23	Nhà văn hóa tổ dân phố 7, phường Bắc Hồng.	700.000						700.000	
24	Nhà văn hóa tổ dân phố 10, phường Bắc Hồng.	700.000						700.000	
25	Nhà văn hoá tổ dân phố 1, phường Nam Hồng.	215.760						215.760	
26	Nhà văn hoá tổ dân phố 5, phường Nam Hồng.	428.885						428.885	
27	Nhà văn hoá tổ dân phố Hầu Đền, phường Trung Lương.	600.000						600.000	
28	Nhà văn hoá tổ dân phố Thuận Hồng, phường Đức Thuận.	1.000.000						1.000.000	
29	Nhà văn hoá tổ dân phố 2, phường Nam Hồng.	800.000						800.000	
30	Nhà văn hoá tổ dân phố Quỳnh Lâm, phường Trung Lương.	800.000						800.000	
31	Nhà văn hoá tổ dân phố 7, phường Đâu Liêu.	1.000.000						1.000.000	
32	Nhà văn hoá tổ dân phố 5, phường Đâu Liêu.	500.000						500.000	
33	Nhà văn hoá tổ dân phố Tiên Sơn, phường Trung Lương.	500.000						500.000	
34	Nhà văn hoá tổ dân phố Trung Lý, phường Trung Lương.	400.000						400.000	
35	Nhà văn hoá tổ dân phố 3, phường Đâu Liêu.	800.000						800.000	
36	Nhà văn hóa tổ dân phố Thuận Minh, phường Đức Thuận.	1.000.000						1.000.000	
37	Nâng cấp, cải tạo Nhà văn hóa tổ dân phố 8, phường Nam Hồng.	600.000						600.000	

38	Nhà văn hoá tổ dân phố 6, phường Nam Hồng.	600.000						600.000	
39	Nhà văn hóa tổ dân phố 6 phường Bắc Hồng.	1.000.000						1.000.000	
40	Nhà văn hoá Tổ dân phố 4, phường Bắc Hồng.	500.000						500.000	
41	Lát vỉa hè nội phường từ tổ dân phố 4 đến tổ dân phố 6 phường Đậu Liêu.	1.000.000	1.000.000						
42	Nâng cấp, mở rộng ngõ 404, phường Đậu Liêu.	1.300.000	1.300.000						
43	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường vào trung tâm xã Thuận Lộc, thị xã Hồng Lĩnh.	500.000	500.000						
B	DỰ ÁN THỰC HIỆN CƠ CHẾ CHỈNH TRANG ĐÔ THỊ DO UBND THỊ XÃ PHÊ DUYỆT (các dự án làm từ năm 2023 trở về trước thực hiện hỗ trợ theo cơ chế Nhà nước và Nhân dân cùng làm)	4.948.287	4.948.287	0	0	0	0	0	0
I	DỰ ÁN HOÀN THÀNH VÀ ĐÃ QUYẾT TOÁN	818.665	818.665	0	0	0	0	0	0
1	Chỉnh trang đô thị các tuyến đường giao thông nội phường Đức Thuận năm 2021.	571.691	571.691						
2	Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang đô thị ngõ 107, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Bắc Hồng năm 2021.	31.013	31.013						
3	Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang đô thị ngõ 159, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Bắc Hồng năm 2021.	110.907	110.907						
4	Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang đô thị ngõ 169, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Bắc Hồng năm 2021.	90.163	90.163						
5	Chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng đường giao thông thôn Thuận Sơn, xã Thuận Lộc (tuyến từ nhà ông Xuân đến đường khu trung tâm xã).	14.891	14.891						
II	DỰ ÁN HOÀN THÀNH VÀ CHƯA QUYẾT TOÁN	4.129.622	4.129.622	0	0	0	0	0	0
1	Chỉnh trang đô thị tổ dân phố 5, phường Đậu Liêu năm 2023 (tuyến từ nhà ông Nguyễn Cao Sơn đến nhà ông Trần Đình Thuận).	208.461	208.461						
2	Chỉnh trang đô thị ngõ số 05A đường Nguyễn Đồng Chi, tổ dân phố 1, phường Nam Hồng năm 2022.	67.899	67.899						
3	Chỉnh trang đô thị ngõ số 02 đường Nguyễn Đồng Chi, tổ dân phố 1, phường Nam Hồng năm 2022.	133.620	133.620						
4	Chỉnh trang đô thị ngõ 71, đường Trường Chinh, tổ dân phố 8, phường Nam Hồng năm 2023.	61.456	61.456						
5	Chỉnh trang đô thị ngõ 52, đường Nguyễn Nghiễm, tổ dân phố 3, phường Nam Hồng năm 2023.	73.136	73.136						
6	Chỉnh trang đô thị ngõ 79, đường Lê Duẩn, tổ dân phố 7, phường Nam Hồng năm 2023.	160.000	160.000						
7	Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang đô thị ngõ 71, đường 3/2, phường Bắc Hồng năm 2020.	207.739	207.739						

8	Chỉnh trang đô thị đường giao thông các tổ dân phố 1, 2 và 6 phường Bắc Hồng năm 2021.	137.199	137.199						
9	Chỉnh trang đô thị ngõ 10, ngõ 16 đường Lê Hữu Trác; ngõ 112, ngõ 175 và đường ngang ngõ 175 đường Trần Phú, phường Bắc Hồng năm 2021.	175.300	175.300						
10	Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang đô thị ngõ 289, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Bắc Hồng năm 2021.	94.412	94.412						
11	Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang đô thị ngõ 04, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Bắc Hồng năm 2021.	59.858	59.858						
12	Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang đô thị ngõ 11A và 11B, tổ dân phố 5, phường Bắc Hồng.	162.394	162.394						
13	Chỉnh trang đô thị đường Mai Thúc Loan, phường Bắc Hồng năm 2022.	302.000	302.000						
14	Chỉnh trang đô thị ngõ 11C đường Bình Lạn, phường Bắc Hồng, năm 2022.	383.611	383.611						
15	Cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang đô thị ngõ 207 đường Nguyễn Ái Quốc, phường Bắc Hồng, năm 2022.	230.291	230.291						
16	Cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang đô thị ngõ 28 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bắc Hồng, năm 2023.	210.000	210.000						
17	Chỉnh trang đô thị mương thoát nước tổ dân phố 9, phường Bắc Hồng.	148.333	148.333						
18	Chỉnh trang đô thị ngõ 04 đường Ngô Đức Kế, tổ dân phố 9, phường Bắc Hồng.	230.000	230.000						
19	Chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông từ đường Con Độ đến nhà bà Loan thôn Thuận Trung, xã Thuận Lộc năm 2023.	177.525	177.525						
20	Chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông từ đường Con Độ đến nhà ông Thịnh thôn Thuận Giang, xã Thuận Lộc năm 2023.	108.514	108.514						
21	Chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông từ nhà ông Kiệm đến nhà ông Lệ thôn Hồng Lam, xã Thuận Lộc năm 2023.	58.728	58.728						
22	Chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông từ nhà ông Lân đến nhà ông Nhân thôn Hồng Lam, xã Thuận Lộc năm 2023.	13.318	13.318						
23	Chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông từ nhà ông Sử đến nhà bà Thao thôn Phúc Thuận, xã Thuận Lộc năm 2023.	180.125	180.125						
24	Chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông từ nhà ông Thanh đến nhà ông Tín thôn Thuận Sơn, xã Thuận Lộc năm 2023.	60.465	60.465						

25	Chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông từ nhà ông Tự đến nhà ông Dương thôn Phúc Thuận, xã Thuận Lộc năm 2023.	214.102	214.102						
26	Đường giao thông cấp phối nội đồng phường Trung Lương năm 2023 (tuyến Đồng Ai đến Biên Ai).	152.000	152.000						
27	Đường bê tông nội đồng phường Trung Lương (tuyến Đồng Cung - Cồn Ao).	119.136	119.136						
C	CÁC CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI	8.631.195	8.631.195	0	0	0	0	0	0
1	Trồng cây xanh trên một số tuyến đường trên địa bàn thị xã Hồng Lĩnh năm 2024.	473.000	473.000						
2	Đường giao thông và mương thoát nước khu dân cư phía Đông Bệnh viện đa khoa thị xã Hồng Lĩnh (giai đoạn 3).	2.000.000	2.000.000						
3	Hệ thống điện chiếu sáng Quốc lộ 1 đoạn đi qua thị xã Hồng Lĩnh (từ Km 486+689 đến Km 487+818).	1.500.000	1.500.000						
4	Xây dựng các tuyến đường hoa đô thị	2.000.000	2.000.000						
5	Bố trí đối ứng GPMB một số dự án trên địa bàn thị xã.	2.658.195	2.658.195						
D	HỖ TRỢ CÁC PHƯỜNG ĐẠT CHUẨN VĂN MINH ĐÔ THỊ NĂM 2024: 5 phường: Bắc Hồng, Nam Hồng, Đức Thuận, Đậu Liêu, Trung Lương x 1 tỷ đồng/phường.	5.000.000	5.000.000						
E	HỖ TRỢ CHO UBND XÃ THUẬN LỘC SỔ THU CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ ĐƯỢC HƯỞNG NĂM 2023 (theo Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND thị xã, UBND thị xã bố trí chưa đủ).	3.022.000	3.022.000						

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ CHO TỪNG ĐƠN VỊ
THEO TỪNG ĐƠN VỊ, LĨNH VỰC NĂM 2025

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Tên đơn vị	DỰ TOÁN NĂM 2025												
		Tổng chi	Tổng số	Chi thường xuyên										
				SN kinh tế	SN môi trường	Sự nghiệp Giáo dục - ĐT	SN Văn hóa - Truyền thông	Đảm bảo xã hội	Quản lý HC, Đảng, đoàn thể và các hội xã hội	Chi AN-QP	Chi sự nghiệp y tế	Dự phòng NS	Chi khác	Hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ theo NQ63
I	Sự nghiệp kinh tế	96.485.000	96.485.000	96.485.000		0	0	0	0	0			0	
1	Kinh phí kiến thiết thị chính	67.136.000	67.136.000	67.136.000										
2	Phòng Kinh tế	355.000	355.000	355.000										
3	Hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	1.784.000	1.784.000	1.784.000										
4	Hỗ trợ phát triển đất trồng lúa	2.324.000	2.324.000	2.324.000										
5	Phòng Quản lý đô thị	228.000	228.000	228.000										
6	Phòng Tài nguyên và Môi trường	3.030.000	3.030.000	3.030.000										
7	Trung tâm Ứng dụng KHCN và BV cây trồng vật nuôi	2.367.000	2.367.000	2.367.000										
8	Đội Quản lý trật tự đô thị	819.000	819.000	819.000										
9	Kinh phí phòng chống cháy rừng	300.000	300.000	300.000										
10	Kinh phí phòng chống bão lụt	50.000	50.000	50.000										
11	Văn phòng thường trực phòng chống bão lụt	73.000	73.000	73.000										
12	Kinh phí xác định giá đất	350.000	350.000	350.000										
13	Kinh phí hoạt động VP Điều phối XDNTM - OCOP	218.000	218.000	218.000										
14	Kinh phí thu gom, xử lý rác thải, tiền điện chiếu sáng công cộng, chăm sóc cây cảnh đường phố năm 2025	13.822.000	13.822.000	13.822.000										
15	Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ, đường thủy nội địa địa phương năm 2025	3.629.000	3.629.000	3.629.000										
II	Sự nghiệp môi trường	6.000.000	6.000.000		6.000.000									
III	Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo	179.484.000	179.484.000	0		179.484.000	0	0	0	0			0	
1	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thị xã	2.263.000	2.263.000			2.263.000								
2	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thị xã	1.215.000	1.215.000			1.215.000								
3	THCS Bắc Hồng	14.519.000	14.519.000			14.519.000								
4	THCS Trung Lương	9.759.000	9.759.000			9.759.000								
5	THCS Đức Thuận	6.841.000	6.841.000			6.841.000								
6	THCS Nam Hồng	11.678.000	11.678.000			11.678.000								
7	TH Bắc Hồng	13.553.000	13.553.000			13.553.000								

8	TH Trung Lương	6.622.000	6.622.000			6.622.000							
9	TH Đức Thuận	7.961.000	7.961.000			7.961.000							
10	TH Nam Hồng	11.976.000	11.976.000			11.976.000							
11	MN Nam Hồng	7.013.000	7.013.000			7.013.000							
12	MN Đức Thuận	6.011.000	6.011.000			6.011.000							
13	MN Thuận Lộc	4.656.000	4.656.000			4.656.000							
14	MN Trung Lương	5.640.000	5.640.000			5.640.000							
15	MN Bắc Hồng	7.183.000	7.183.000			7.183.000							
16	MN Đậu Liêu	5.941.000	5.941.000			5.941.000							
17	Trường TH&THCS Đậu Liêu	14.082.000	14.082.000			14.082.000							
18	Trường TH&THCS Thuận Lộc	10.803.000	10.803.000			10.803.000							
19	Phòng Giáo dục - Đào tạo	616.000	616.000			616.000							
20	Hỗ trợ hoạt động các Trung tâm học tập cộng đồng	168.000	168.000			168.000							
21	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2025 theo đề án (hỗ trợ các trường mua sắm cơ sở vật chất phục vụ đón chuẩn)	520.000	520.000			520.000							
22	Chi lương phụ cấp và các khoản đóng nộp dự kiến tăng trong năm (do khi xây dựng dự toán lấy quỹ lương T7/2024, nên lương từ T7-T12/2024 chưa được bố trí dự toán 2025; đồng thời tăng lương từ T1/2025-T9/2025; tăng mới biên chế); Chế độ tiền phụ cấp giáo viên dạy thể dục; Phụ cấp cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật (chưa xác định được chính xác đối tượng cụ thể nên tham mưu phân bổ cụ thể sau)	5.223.123	5.223.123			5.223.123							
19	Hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất các Trường học	25.240.877	25.240.877			25.240.877							
IV	Sự nghiệp Văn hóa - Truyền thông	3.296.000	3.296.000	0		0	3.296.000	0	0	0		0	
1	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông.	3.296.000	3.296.000				3.296.000						
V	Đảm bảo xã hội	18.576.000	18.576.000	0	0	0		18.576.000	0	0		0	
1	Phòng Lao động - TB & Xã hội	16.784.000	16.784.000					16.784.000					
2	Tiền điện hộ nghèo, hộ bảo trợ xã hội	350.000	350.000					350.000					
3	Hội Người mù	475.000	475.000					475.000					
4	Hội Chữ Thập đỏ	313.000	313.000					313.000					
5	Hội Người cao tuổi	220.000	220.000					220.000					
6	Chính sách hỗ trợ người phân công giúp đỡ người được áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn	65.000	65.000					65.000					
7	Hội nạn nhân chất độc da cam	93.000	93.000					93.000					
8	Hội bảo trợ người tàn tật	170.000	170.000					170.000					
9	Hội Khuyến Học -Giáo chức	106.000	106.000					106.000					
VI	Chi quản lý Hành chính, Đảng, đoàn thể	46.896.000	46.896.000	0		0	0	0	46.896.000	0		0	
1	Văn phòng Thị ủy	13.396.000	13.396.000						13.396.000				
2	Văn phòng Hội đồng nhân dân	1.994.000	1.994.000						1.994.000				
3	Văn phòng Ủy ban nhân dân	16.401.000	16.401.000						16.401.000				

[illegible]

34	HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG CỦA KHỐI NỘI CHÍNH VÀ CÁC CƠ QUAN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHỐI HỢP TRÊN ĐỊA BÀN (Viện kiểm sát; Thi hành án, Kho bạc, Kiểm lâm, Phòng cháy chữa cháy, Cụm 8, Chi cục thống kê, Chi cục thuế Hồng Lĩnh, Bảo hiểm xã hội, Liên đoàn lao động thị xã: 10 đơn vị x 30 triệu đồng/ đơn vị); Hội thẩm: 20 triệu đồng; Tòa án: 30 triệu đồng	350.000												350.000
35	Kinh phí tổ chức kỷ niệm ngày Doanh nhân Việt Nam	500.000												500.000
36	Kinh phí tăng lương trong năm	700.000												700.000
B	Thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, phát triển đô thị.	22.280.066												22.280.066
X	Dự phòng ngân sách	6.841.000	6.841.000									6.841.000		
	Tổng cộng	447.071.000	402.551.000	96.485.000	6.000.000	179.484.000	3.296.000	18.576.000	46.896.000	2.395.000	41.247.000	6.841.000	1.331.000	44.520.500

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HỒNG LĨNH**

Biểu số 89/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG PHƯỜNG, XÃ NĂM 2025

DVT: Nghìn đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp thị xã	Chi bổ sung nguồn thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách phường, xã
			Tổng số	Chia ra					
				Thu ngân sách xã hưởng 100%	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số	199.890.000	32.911.000	2.570.000	30.341.000	48.101.000	0	0	81.012.000
1	UBND phường Bắc Hồng	24.020.000	2.217.500	658.000	1.559.500	8.257.525			10.475.025
2	UBND phường Nam Hồng	28.078.000	3.250.500	615.000	2.635.500	7.288.735			10.539.235
3	UBND phường Đức Thuận	73.158.000	14.191.000	505.000	13.686.000	7.293.769			21.484.769
4	UBND phường Đậu Liêu	13.168.000	1.466.000	335.000	1.131.000	8.676.487			10.142.487
5	UBND phường Trung Lương	6.557.000	793.000	278.000	515.000	8.903.247			9.696.247
6	UBND xã Thuận Lộc	54.909.000	10.993.000	179.000	10.814.000	7.681.237			18.674.237

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Số tiền
		3
1	2	
	Tổng cộng (A+B+...E) =	111.200.000
A	DỰ ÁN DO UBND THỊ XÃ PHÊ DUYỆT QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ	89.598.518
I	TRẢ NỢ CÁC CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH VÀ ĐÃ QUYẾT TOÁN	13.123.028
1	Hệ thống điện chiếu sáng đường Đào Tấn (đường La Giang, phường Trung Lương).	534.424
2	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa thôn Chùa, xã Thuận Lộc.	46.288
3	Lát vỉa hè và trồng cây đường Quang Trung (đoạn từ đường Phan Kính đến vòng xoay Bùi Cầm Hổ).	509.117
4	Đường Trần Nhân Tông đoạn từ đường Nguyễn Đồng Chi đến đường Lê Hữu Trác, thị xã Hồng Lĩnh (giai đoạn 1).	317.093
5	Lát vỉa hè và trồng cây đường Nguyễn Ái Quốc (đoạn từ ngã tư giao QL 8A đến đường Sừ Hy Nhan).	207.616
6	Lắp đặt hệ thống điện trang trí đường Trần Phú, đường Nguyễn Nghiễm và cổng chào đường 3/2, đường Nguyễn Đồng Chi.	500.000
7	Lát vỉa hè quanh nút giao đường Quốc lộ 1 với đường Nguyễn Đồng Chi, thị xã Hồng Lĩnh.	500.000
8	Chỉnh trang nút giao thông Quốc lộ 1 với Quốc lộ 8 và nút giao thông Quốc lộ 1 với đường Nguyễn Đồng Chi.	1.000.000
9	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 3 tầng và các hạng mục phụ trợ cơ quan UBNDTTQ, các đoàn thể thị xã.	63.298
10	Xây dựng một số hạng mục khuôn viên trụ sở cơ quan Ủy ban MTTQ và các đoàn thể thị xã Hồng Lĩnh.	263.087
11	Nâng cấp, cải tạo cụm đèn tín hiệu giao thông tại các nút giao đường 3/2; đường Trần Phú, đường Lê Hữu Trác và hệ thống điện chiếu sáng tuyến Quốc lộ 1A, thị xã Hồng Lĩnh.	108.585
12	Cải tạo, nâng cấp đường cơ động trong khu căn cứ chiến đấu khu vực phòng thủ thị xã Hồng Lĩnh.	177.627
13	Hệ thống điện chiếu sáng QL1 đoạn từ Km481+290 đến Km485+400 đoạn qua thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.	1.500.000
14	Sửa chữa đường lên khu mộ đồng chí Nguyễn Đức Bình hoàn thành.	17.239
15	Chỉnh trang đô thị cải tạo, nâng cấp tuyến đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bắc Hồng.	29.414
16	Nhà văn hóa tổ dân phố 4, phường Đạm Liêu.	778.515
17	Nhà văn hóa thôn Thuận Giang, xã Thuận Lộc.	83.867
19	Đường Trần Nhân Tông, thị xã Hồng Lĩnh (đoạn từ đường Nguyễn Đồng Chi đến đường N12 khu dân cư tổ 6, tổ 7, phường Đạm Liêu).	700.000
20	Xây dựng tuyến đường vào khu dân cư xen dăm tổ dân phố 1, 2 phường Đạm Liêu, thị xã Hồng Lĩnh.	1.500.000
21	Chỉnh trang, nâng cấp vỉa hè đường Nguyễn Đồng Chi, thị xã Hồng Lĩnh.	686.232
22	Nâng cấp, cải tạo nhà văn hóa tổ dân phố 3, phường Nam Hồng.	208.857

		452.000
31	Tuyến mương Đồng Nhậm phường Trung Lương.	
		386.000
36	Xây dựng đường giao thông, mương thoát nước khu dân cư thôn Tân Hòa xã Thuận Lộc.	
	Dự án Cải tạo, nâng cấp dải phân cách điện chiếu sáng đoạn từ Km 484+00 đến Km 486+533 Quốc lộ 1 đoạn đi qua thị xã Hồng Lĩnh và Km 485+06 đến Km 485+366 quốc lộ 1 đoạn tránh thị xã Hồng Lĩnh (giai đoạn 1).	1.000.000
37		
38	Dự án Tháo dỡ, di dời hệ thống điện chiếu sáng công cộng Quốc lộ 1 đoạn từ Km484+00 đến Km486+533 đến lắp đặt tại đường Kinh Dương Vương đoạn từ Km0+00 giao với Quốc lộ 1 đến Km0+848m và đường Ngô Quyền, thị xã Hồng Lĩnh.	553.769
39	Sơn kẻ vạch, gờ giảm tốc các tuyến đường giao thông trên địa bàn các phường Bắc Hồng, Đức Thuận.	1.000.000
		25.474.445
II	TRẢ NỢ CÁC CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH VÀ CHƯA QUYẾT TOÁN	
		200.000
1	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa thôn Tân Hòa, xã Thuận Lộc.	500.000
2	Nhà văn hóa tổ dân phố La Giang, phường Trung Lương.	500.000
3	Hạ tầng khu tái định cư tổ dân phố 7, phường Bắc Hồng phục vụ GPMB đường trục chính trung tâm thị xã Hồng Lĩnh.	2.000.000
4	Cầu Ông Đạt, phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh.	
	Lắp đặt hệ thống điện trang trí đường Quang Trung (đoạn từ nút giao QL8 đến Cầu Treo Vọt) và đường Nguyễn Ái Quốc (đoạn từ nút giao QL8 đến đường Nguyễn Văn Giai).	1.500.000
5		200.000
6	Cụm đèn tín hiệu giao thông nút giao Quốc lộ 1 với đường Tiên Sơn.	600.000
7	Cải tạo nhà làm việc 3 tầng, hội trường và một số hạng mục phụ trợ trụ sở Thị ủy Hồng Lĩnh.	700.000
8	Nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc công an phường Đậu Liêu, thị xã Hồng Lĩnh.	629.373
9	Đường quy hoạch từ đường Tiên Sơn đến nhà văn hoá tổ dân phố Phúc Sơn, phường Trung Lương.	500.000
10	Đường giao thông nối từ Quốc lộ 8 (tại Km0+879) đến đường trục TDP1, phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh.	150.000
11	Điện trang trí cầu Đồi, thị xã Hồng Lĩnh.	200.000
12	Điện trang trí cầu Đức Thuận, thị xã Hồng Lĩnh.	250.000
13	Điện trang cầu Treo Vọt, thị xã Hồng Lĩnh.	150.000
14	Điện trang trí vòng xuyên Bùi Cẩm Hồ, thị xã Hồng Lĩnh.	700.000
15	Điện trang trí khu vực ngã tư trung tâm thị xã Hồng Lĩnh.	105.000
16	Pano màn hình điện tử trang trí tại quảng trường thị xã Hồng Lĩnh.	300.000
17	Nhà văn hóa tổ dân phố 8, phường Bắc Hồng.	2.000.000
18	Lát vỉa hè đường Quang Trung (đoạn từ cầu Treo Vọt đến bến xe Hồng Lĩnh).	1.000.000
19	Trụ sở làm việc công an xã Thuận Lộc, thị xã Hồng Lĩnh.	393.000
20	Xây dựng tuyến mương thoát nước ngõ 344 đường Quang Trung (đoạn từ đường Thái kính đến đường Nguyễn Đồng Chi), phường Đậu Liêu.	32.693
21	Sơn kẻ vạch, gờ giảm tốc các tuyến đường giao thông trên địa bàn phường Đậu Liêu.	1.000.000
22	Xây dựng trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND phường Nam Hồng (giai đoạn 2).	30.896
23	Sơn kẻ vạch, gờ giảm tốc, biển báo an toàn giao thông các tuyến đường giao thông trên địa bàn Phường Nam.	300.000
24	Bổ sung, hoàn thiện hạ tầng khu dân cư Mặt Ba, phường Trung Lương.	

		400.000
25	Di dời đường dây 35kV nhánh rẽ Trung Lương ĐZ 373E18.4.	300.000
26	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xen dăm TDP 10.	500.000
27	Mương tiêu úng, chống ngập lụt tại thôn Hồng Nguyệt, xã Thuận Lộc.	10.000.000
28	Xây dựng 03 tuyến đường giao thông (bao gồm cả hệ thống cấp điện, cấp nước) tại khu dân cư Nền Tế, thôn Thuận Giang, xã Thuận Lộc.	83.483
29	Sơn kẻ vạch, gờ giảm tốc, biển báo an toàn giao thông các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã Thuận Lộc.	250.000
30	Đường giao thông nội đồng thôn Tân Hòa, xã Thuận Lộc.	51.001.045
III	CÁC CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP	
1	Quảng trường thị xã Hồng Lĩnh (giai đoạn 1).	1.500.000
2	Hạ tầng kỹ thuật khu công viên Trung tâm thị xã (giai đoạn 1).	15.000.000
3	Đường giao thông và mương thoát nước khu dân cư phía Đông Bệnh viện đa khoa thị xã Hồng Lĩnh (giai đoạn 1).	2.000.000
4	Đường giao thông và mương thoát nước khu dân cư phía Đông Bệnh viện đa khoa thị xã Hồng Lĩnh (giai đoạn 3).	2.000.000
5	Đường giao thông, mương thoát nước khu dân cư thôn Hồng Nguyệt và khu dân cư Nhà Nếp thôn Thuận Sơn, xã Thuận Lộc, thị xã Hồng Lĩnh.	1.000.000
6	Lát vỉa hè và trồng cây đường Nguyễn Ái Quốc (đoạn từ đường Sử Hy Nhan đến cầu Mới).	2.000.000
7	Điều chỉnh quy hoạch chung thị xã.	1.000.000
8	Nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc công an phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh.	1.500.000
9	Nhà văn hoá thôn Thuận Trung, xã Thuận Lộc.	500.000
10	Nhà văn hoá thôn Hồng Nguyệt, xã Thuận Lộc.	200.000
11	Nhà văn hoá thôn Hồng Lam, xã Thuận Lộc.	500.000
12	Nhà văn hoá tổ dân phố Tuần Cầu, phường Trung Lương.	1.500.000
13	Nhà văn hoá tổ dân phố Phúc Sơn, phường Trung Lương.	1.000.000
14	Nhà văn hoá tổ dân phố 3, phường Bắc Hồng.	500.000
15	Nhà văn hoá tổ dân phố 7, phường Nam Hồng.	300.000
16	Nhà văn hoá tổ dân phố Trung Hậu, phường Trung Lương.	156.400
17	Nhà văn hoá thôn Thuận Sơn, xã Thuận Lộc.	1.000.000
18	Nhà văn hoá thôn Phúc Thuận, xã Thuận Lộc.	1.000.000
19	Nhà văn hoá tổ dân phố 2, phường Đạm Liêu.	1.000.000
20	Nhà văn hoá tổ dân phố 1, phường Đạm Liêu.	1.000.000
21	Nhà văn hoá tổ dân phố 8, phường Đạm Liêu.	400.000
22	Nhà văn hoá tổ dân phố Bán Xá, phường Trung Lương.	1.000.000
23	Nhà văn hoá tổ dân phố 7, phường Bắc Hồng.	700.000
24	Nhà văn hoá tổ dân phố 10, phường Bắc Hồng.	700.000
25	Nhà văn hoá tổ dân phố 1, phường Nam Hồng.	215.760
26	Nhà văn hoá tổ dân phố 5, phường Nam Hồng.	428.885
27	Nhà văn hoá tổ dân phố Hầu Đền, phường Trung Lương.	600.000

		1.000.000
28	Nhà văn hoá tổ dân phố Thuận Hồng, phường Đức Thuận.	800.000
29	Nhà văn hoá tổ dân phố 2, phường Nam Hồng.	800.000
30	Nhà văn hoá tổ dân phố Quỳnh Lâm, phường Trung Lương.	1.000.000
31	Nhà văn hoá tổ dân phố 7, phường Đậu Liêu.	500.000
32	Nhà văn hoá tổ dân phố 5, phường Đậu Liêu.	500.000
33	Nhà văn hoá tổ dân phố Tiên Sơn, phường Trung Lương.	400.000
34	Nhà văn hoá tổ dân phố Trung Lý, phường Trung Lương.	800.000
35	Nhà văn hoá tổ dân phố 3, phường Đậu Liêu.	1.000.000
36	Nhà văn hóa tổ dân phố Thuận Minh, phường Đức Thuận.	600.000
37	Nâng cấp, cải tạo Nhà văn hóa tổ dân phố 8, phường Nam Hồng.	600.000
38	Nhà văn hoá tổ dân phố 6, phường Nam Hồng.	1.000.000
39	Nhà văn hóa tổ dân phố 6 phường Bắc Hồng.	500.000
40	Nhà văn hoá Tổ dân phố 4, phường Bắc Hồng.	1.000.000
41	Lát vỉa hè nội phường từ tổ dân phố 4 đến tổ dân phố 6 phường Đậu Liêu.	1.300.000
42	Nâng cấp, mở rộng ngõ 404, phường Đậu Liêu.	500.000
43	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường vào trung tâm xã Thuận Lộc, thị xã Hồng Lĩnh.	
B	DỰ ÁN THỰC HIỆN CƠ CHẾ CHỈNH TRANG ĐÔ THỊ DO UBND THỊ XÃ PHÊ DUYỆT (các dự án làm từ năm 2023 trở về trước thực hiện hỗ trợ theo cơ chế Nhà nước và Nhân dân cùng làm)	4.948.287
		818.665
I	DỰ ÁN HOÀN THÀNH VÀ ĐÃ QUYẾT TOÁN	571.691
1	Chỉnh trang đô thị các tuyến đường giao thông nội phường Đức Thuận năm 2021.	31.013
2	Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang đô thị ngõ 107, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Bắc Hồng năm 2021.	110.907
3	Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang đô thị ngõ 159, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Bắc Hồng năm 2021.	90.163
4	Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang đô thị ngõ 169, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Bắc Hồng năm 2021.	14.891
5	Chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng đường giao thông thôn Thuận Sơn, xã Thuận Lộc (tuyến từ nhà ông Xuân đến đường khu trung tâm xã).	4.129.622
II	DỰ ÁN HOÀN THÀNH VÀ CHƯA QUYẾT TOÁN	208.461
1	Chỉnh trang đô thị tổ dân phố 5, phường Đậu Liêu năm 2023 (tuyến từ nhà ông Nguyễn Cao Sơn đến nhà ông Trần Đình Thuận).	67.899
2	Chỉnh trang đô thị ngõ số 05A đường Nguyễn Đồng Chi, tổ dân phố 1, phường Nam Hồng năm 2022.	133.620
3	Chỉnh trang đô thị ngõ số 02 đường Nguyễn Đồng Chi, tổ dân phố 1, phường Nam Hồng năm 2022.	61.456
4	Chỉnh trang đô thị ngõ 71, đường Trường Chinh, tổ dân phố 8, phường Nam Hồng năm 2023.	73.136
5	Chỉnh trang đô thị ngõ 52, đường Nguyễn Nghiêm, tổ dân phố 3, phường Nam Hồng năm 2023.	160.000
6	Chỉnh trang đô thị ngõ 79, đường Lê Duẩn, tổ dân phố 7, phường Nam Hồng năm 2023.	207.739
7	Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang đô thị ngõ 71, đường 3/2, phường Bắc Hồng năm 2020.	137.199
8	Chỉnh trang đô thị đường giao thông các tổ dân phố 1, 2 và 6 phường Bắc Hồng năm 2021.	175.300
9	Chỉnh trang đô thị ngõ 10, ngõ 16 đường Lê Hữu Trác; ngõ 112, ngõ 175 và đường ngang ngõ 175 đường Trần Phú, phường Bắc Hồng năm 2021.	

		94.412
10	Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang đô thị ngõ 289, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Bắc Hồng năm 2021.	59.858
11	Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang đô thị ngõ 04, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Bắc Hồng năm 2021.	162.394
12	Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang đô thị ngõ 11A và 11B, tổ dân phố 5, phường Bắc Hồng.	302.000
13	Chỉnh trang đô thị đường Mai Thúc Loan, phường Bắc Hồng năm 2022.	383.611
14	Chỉnh trang đô thị ngõ 11C đường Bình Lạng, phường Bắc Hồng, năm 2022.	230.291
15	Cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang đô thị ngõ 207 đường Nguyễn Ái Quốc, phường Bắc Hồng, năm 2022.	210.000
16	Cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang đô thị ngõ 28 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bắc Hồng, năm 2023.	148.333
17	Chỉnh trang đô thị mương thoát nước tổ dân phố 9, phường Bắc Hồng.	230.000
18	Chỉnh trang đô thị ngõ 04 đường Ngô Đức Kế, tổ dân phố 9, phường Bắc Hồng.	177.525
19	Chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông từ đường Con Độ đến nhà bà Loan thôn Thuận Trung, xã Thuận Lộc năm 2023.	108.514
20	Chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông từ đường Con Độ đến nhà ông Thịnh thôn Thuận Giang, xã Thuận Lộc năm 2023.	58.728
21	Chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông từ nhà ông Kiệm đến nhà ông Lê thôn Hồng Lam, xã Thuận Lộc năm 2023.	13.318
22	Chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông từ nhà ông Lân đến nhà ông Nhân thôn Hồng Lam, xã Thuận Lộc năm 2023.	180.125
23	Chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông từ nhà ông Sử đến nhà bà Thao thôn Phúc Thuận, xã Thuận Lộc năm 2023.	60.465
24	Chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông từ nhà ông Thanh đến nhà ông Tín thôn Thuận Sơn, xã Thuận Lộc năm 2023.	214.102
25	Chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông từ nhà ông Tự đến nhà ông Đương thôn Phúc Thuận, xã Thuận Lộc năm 2023.	152.000
26	Đường giao thông cấp phối nội đồng phường Trung Lương năm 2023 (tuyến Đồng Ải đến Biên Ải).	119.136
27	Đường bê tông nội đồng phường Trung Lương (tuyến Đồng Cung - Cồn Ao).	8.631.195
C	CÁC CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI	473.000
1	Trồng cây xanh trên một số tuyến đường trên địa bàn thị xã Hồng Lĩnh năm 2024.	2.000.000
2	Đường giao thông và mương thoát nước khu dân cư phía Đông Bệnh viện đa khoa thị xã Hồng Lĩnh (giai đoạn 3).	1.500.000
3	Hệ thống điện chiếu sáng Quốc lộ 1 đoạn đi qua thị xã Hồng Lĩnh (từ Km 486+689 đến Km 487+818).	2.000.000
4	Xây dựng các tuyến đường hoa đô thị	2.658.195
5	Bố trí đối ứng GPMB một số dự án trên địa bàn thị xã.	
D	HỖ TRỢ CÁC PHƯỜNG ĐẠT CHUẨN VĂN MINH ĐÔ THỊ NĂM 2024: 5 phường: Bắc Hồng, Nam Hồng, Đức Thuận, Đậu Liêu, Trung Lương x 1 tỷ đồng/phường.	5.000.000
E	HỖ TRỢ CHO UBND XÃ THUẬN LỘC SỔ THU CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ ĐƯỢC HƯỞNG NĂM 2023 (theo Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND thị xã, UBND thị xã bố trí chưa đủ).	3.022.000

